



PHÒNG TÀI LIỆU HỎI-ĐÁP
TƯ PHÁP LUẬT TRẺ EM NĂM 2016
(Phát hành tháng 6/2020)

Câu 1. Đối tượng nào được gọi là trẻ em? So với Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì quy định về trẻ em có khác không?

Trả lời:

Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: Trẻ em là người dưới 16 tuổi.

Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi. Như vậy, đối tượng áp dụng của Luật Trẻ em năm 2016 đã được mở rộng, không chỉ trẻ em là công dân Việt Nam mà còn bao gồm cả trẻ em là người nước ngoài, người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam.

Câu 2. Các hành vi nào bị nghiêm cấm đối với trẻ em?

Trả lời:

Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với trẻ em bao gồm:

- (1) Tước đoạt quyền sống của trẻ em.
- (2) Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.
- (3) Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em.
- (4) Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn.
- (5) Sử dụng, rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác.
- (6) Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình.
- (7) Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.
- (8) Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em.
- (9) Bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em.
- (10) Cung cấp dịch vụ Internet và các dịch vụ khác; sản xuất, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em.

(11) Công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em.

(12) Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi.

(13) Đặt cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ gần cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc đặt cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em gần cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ.

(14) Lấn chiếm, sử dụng cơ sở hạ tầng dành cho việc học tập, vui chơi, giải trí và hoạt động dịch vụ bảo vệ trẻ em sai mục đích hoặc trái quy định của pháp luật.

(15) Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm.

Câu 3. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em thuộc những nhóm nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 10 Luật Trẻ em năm 2016 quy định trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các nhóm sau đây:

- (1) Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ;
- (2) Trẻ em bị bỏ rơi;
- (3) Trẻ em không nơi nương tựa;
- (4) Trẻ em khuyết tật;
- (5) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS;
- (6) Trẻ em vi phạm pháp luật;
- (7) Trẻ em nghiện ma túy;
- (8) Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở;
- (9) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực;
- (10) Trẻ em bị bóc lột;
- (11) Trẻ em bị xâm hại tình dục;
- (12) Trẻ em bị mua bán;

(13) Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

(14) Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

Câu 4. Trẻ em có các quyền gì?

Trả lời:

Mục 1 Chương II Luật Trẻ em năm 2016 quy định các quyền của trẻ em bao gồm:

- (1) Quyền sống;
- (2) Quyền được khai sinh và có quốc tịch
- (3) Quyền được chăm sóc sức khỏe
- (4) Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng
- (5) Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu
- (6) Quyền vui chơi, giải trí
- (7) Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc
- (8) Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo
- (9) Quyền về tài sản
- (10) Quyền bí mật đời sống riêng tư
- (11) Quyền được sống chung với cha, mẹ
- (12) Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ
- (13) Quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi
- (14) Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục
- (15) Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động
- (16) Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc
- (17) Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt
- (18) Quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy
- (19) Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính
- (20) Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang
- (21) Quyền được bảo đảm an sinh xã hội
- (22) Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội
- (23) Quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp
- (24) Quyền của trẻ em khuyết tật

(25) Quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn.

Câu 4. Trẻ em có bổn phận gì đối với gia đình?

Trả lời:

Điều 37 Luật Trẻ em năm 2016 quy định bổn phận của trẻ em đối với gia đình như sau:

(1) Kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với cha mẹ và các thành viên trong gia đình, dòng họ.

(2) Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em.

Câu 5. Trẻ em có bổn phận gì đối với nhà trường?

Trả lời:

Điều 38 Luật Trẻ em năm 2016 quy định bổn phận của trẻ em đối với nhà trường như sau:

(1) Tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường.

(2) Thương yêu, đoàn kết, chia sẻ khó khăn, tôn trọng, giúp đỡ bạn bè.

(3) Rèn luyện đạo đức, ý thức tự học, thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.

(4) Giữ gìn, bảo vệ tài sản và chấp hành đầy đủ nội quy, quy định của nhà trường.

Câu 6. Trẻ em có bổn phận gì đối với cộng đồng, xã hội?

Trả lời:

Điều 39 Luật Trẻ em năm 2016 quy định bổn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội như sau:

(1) Tôn trọng, lễ phép với người lớn tuổi; quan tâm, giúp đỡ người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ, người gặp hoàn cảnh khó khăn phù hợp với khả năng, sức khỏe, độ tuổi của mình.

(2) Tôn trọng quyền, danh dự, nhân phẩm của người khác; chấp hành quy định về an toàn giao thông và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ, giữ gìn, sử dụng tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường phù hợp với khả năng và độ tuổi của trẻ em.

(3) Phát hiện, thông tin, thông báo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 7. Trẻ em có bổn phận gì đối với quê hương, đất nước?

Trả lời:

Điều 40 Luật Trẻ em năm 2016 quy định bổn phận của trẻ em đối với quê hương, đất nước như sau:

(1) Yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tôn trọng truyền thống lịch sử dân tộc; giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của quê hương, đất nước.

(2) Tuân thủ và chấp hành pháp luật; đoàn kết, hợp tác, giao lưu với bạn bè, trẻ em quốc tế phù hợp với độ tuổi và từng giai đoạn phát triển của trẻ em.

Câu 8. Đối với bản thân mình, trẻ em có bốn phận gì?

Trả lời:

Điều 41 Luật Trẻ em năm 2016 quy định bốn phận của trẻ em với bản thân như sau:

(1) Có trách nhiệm với bản thân; không hủy hoại thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân.

(2) Sống trung thực, khiêm tốn; giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể.

(3) Chăm chỉ học tập, không tự ý bỏ học, không rời bỏ gia đình sống lang thang.

(4) Không đánh bạc; không mua, bán, sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác.

(5) Không sử dụng, trao đổi sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy; không sử dụng đồ chơi hoặc chơi trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của bản thân.

Câu 9. Trẻ em tham gia vào các vấn đề của trẻ em thuộc phạm vi và hình thức như thế nào?

Trả lời:

Điều 74 Luật Trẻ em năm 2016 quy định phạm vi, hình thức trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em như sau:

(1) Các vấn đề về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em phải có sự tham gia của trẻ em hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em tùy theo độ tuổi của trẻ em bao gồm:

- Xây dựng và triển khai chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

- Xây dựng và thực hiện quyết định, chương trình, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

- Quyết định, hoạt động của nhà trường, cơ sở giáo dục khác, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;

- Áp dụng biện pháp, cách thức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ trẻ em của gia đình.

(2) Trẻ em được tham gia vào các vấn đề về trẻ em thông qua các hình thức sau đây:

- Diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cuộc thi, sự kiện;
- Thông qua tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em; hoạt động của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động vì trẻ em;
- Hoạt động của câu lạc bộ, đội, nhóm của trẻ em được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Tham vấn, thăm dò, lấy ý kiến trẻ em;
- Bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trực tiếp hoặc qua kênh truyền thông đại chúng, truyền thông xã hội và các hình thức thông tin khác.

Câu 10. Cha mẹ và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm gì để bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong gia đình

Trả lời:

Điều 75 Luật Trẻ em năm 2016 quy định cha mẹ và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

(1) Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi, giải thích ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, sự phát triển của trẻ em và điều kiện, hoàn cảnh của gia đình.

(2) Tạo điều kiện, hướng dẫn trẻ em tiếp cận các nguồn thông tin an toàn, phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển toàn diện của trẻ em.

(3) Tạo điều kiện để trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng đối với những quyết định, vấn đề của gia đình liên quan đến trẻ em.

(4) Không cản trở trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Câu 11. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hưởng chính sách chăm sóc sức khỏe như thế nào?

Trả lời:

Điều 18 Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em quy định chính sách chăm sóc sức khỏe đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như sau:

(1) Nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

(2) Nhà nước trả hoặc hỗ trợ trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh hoặc giám định sức khỏe cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

(3) Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hưởng các chính sách chăm sóc sức khỏe khác theo quy định của pháp luật.

Câu 12. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khi đi học có được miễn, giảm học phí không?

Trả lời:

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khi đi học được miễn, giảm học phí.

Cụ thể, Điều 20 Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em quy định về chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp như sau: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của pháp luật giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp.

Câu 13. Trách nhiệm cung cấp, xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em được Luật Trẻ em năm 2016 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 51 Luật Trẻ em năm 2016 quy định trách nhiệm cung cấp, xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em như sau:

(1) Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi đến cơ quan có thẩm quyền.

(2) Cơ quan lao động - thương binh và xã hội, cơ quan công an các cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác; phối hợp xác minh, đánh giá, điều tra về hành vi xâm hại, tình trạng mất an toàn hoặc gây tổn hại, mức độ nguy cơ gây tổn hại đối với trẻ em.

(3) Chính phủ thiết lập tổng đài điện thoại quốc gia thường trực để tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em; quy định quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em.

Câu 14. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm gì trong công tác bảo vệ trẻ em?

Trả lời:

Điều 53 Luật Trẻ em năm 2016 quy định trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong công tác bảo vệ trẻ em như sau:

(1) Đánh giá nguy cơ và xác định các nhu cầu của trẻ em cần được bảo vệ.

(2) Tham gia quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi.

(3) Tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em, trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, pháp lý và các nguồn trợ giúp khác.

(4) Tư vấn kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em cho trẻ em, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình, cộng đồng.

(5) Kiến nghị biện pháp chăm sóc thay thế và theo dõi quá trình thực hiện.

(6) Hỗ trợ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại, người làm chứng trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng.

Câu 15. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm gì trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em?

Trả lời:

Điều 72 Luật Trẻ em năm 2016 quy định trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em như sau:

(1) Tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, xã hội, y tế, giáo dục và các nguồn trợ giúp khác.

(2) Tìm hiểu, cung cấp thông tin về hoàn cảnh cá nhân và gia đình của trẻ em cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính để áp dụng các biện pháp xử lý, giáo dục và ra quyết định khác phù hợp.

(3) Tham gia vào quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính có liên quan đến trẻ em theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; tham gia cuộc họp của Hội đồng tư vấn áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và quá trình xem xét tại Tòa án để áp dụng biện pháp đưa trẻ em vào trường giáo dưỡng.

(4) Theo dõi, hỗ trợ việc thi hành các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính, tái hòa nhập cộng đồng đối với trẻ em vi phạm pháp luật; kiến nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp đối với trẻ em vi phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Luật này.

(5) Tham gia xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em và theo dõi việc thực hiện; kết nối dịch vụ và hỗ trợ việc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em.

Câu 16. Việc tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế được thực hiện trong các trường hợp nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 32 Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em quy định: Việc tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế được thực hiện đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em; trẻ em bị xâm hại nhưng cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em từ chối thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp

hoặc trẻ em bị xâm hại có nguy cơ tiếp tục bị xâm hại bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em.

Câu 17. Thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em là các thông tin nào?

Trả lời:

Điều 33 Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em quy định: Thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em là các thông tin về: tên, tuổi; đặc điểm nhận dạng cá nhân; thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong bệnh án; hình ảnh cá nhân; thông tin về các thành viên trong gia đình, người chăm sóc trẻ em; tài sản cá nhân; số điện thoại; địa chỉ thư tín cá nhân; địa chỉ, thông tin về nơi ở, quê quán; địa chỉ, thông tin về trường, lớp, kết quả học tập và các mối quan hệ bạn bè của trẻ em; thông tin về dịch vụ cung cấp cho cá nhân trẻ em.

Câu 18. Trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng được Luật Trẻ em năm 2016 quy định như thế nào?

Trả lời:

Trả lời: Điều 54 Luật Trẻ em năm 2016 quy định trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng như sau:

1. Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng dưới mọi hình thức; cha, mẹ, giáo viên và người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để trẻ em biết tự bảo vệ mình khi tham gia môi trường mạng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

Câu 19. Trẻ em cần được chăm sóc thay thế trong các trường hợp nào?

Trả lời:

Điều 62 Luật Trẻ em năm 2016 quy định các trường hợp trẻ em cần được chăm sóc thay thế như sau:

(1) Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không nơi nương tựa.

(2) Trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em.

(3) Trẻ em bị ảnh hưởng của thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang cần được ưu tiên bảo vệ.

(4) Trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ.

Câu 20. Chăm sóc thay thế được thực hiện dưới các hình thức nào?

Trả lời:

Điều 61 Luật Trẻ em năm 2016 quy định các hình thức chăm sóc thay thế bao gồm:

- (1) Chăm sóc thay thế bởi người thân thích.
- (2) Chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải là người thân thích.
- (3) Chăm sóc thay thế bằng hình thức nhận con nuôi.

Việc nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.

- (4) Chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội.

Câu 21. Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế có được nhà nước hỗ trợ gì không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 19 Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em quy định: Nhà nước thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.

Câu 22. Nhà trường có trách nhiệm gì để bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong nhà trường?

Trả lời:

Điều 76 Luật Trẻ em năm 2016 quy định để bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong nhà trường, nhà trường có trách nhiệm sau đây:

(1) Tổ chức và tạo điều kiện để trẻ em được tham gia các hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, câu lạc bộ, đội, nhóm của trẻ em trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội;

(2) Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật và quy định về giáo dục có liên quan đến học sinh; công khai thông tin về kế hoạch học tập và rèn luyện, chế độ nuôi dưỡng và các khoản đóng góp theo quy định;

(3) Tạo điều kiện để trẻ em được kiến nghị, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về chất lượng dạy và học; quyền, lợi ích chính đáng của trẻ em trong môi trường giáo dục và những vấn đề trẻ em quan tâm;

(4) Tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của trẻ em, giải quyết theo phạm vi trách nhiệm được giao hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết đến trẻ em.

Câu 23. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm gì trong việc khai sinh cho trẻ em?

Trả lời:

Điều 97 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, theo quy định của Luật Hộ tịch năm 2014 thời hạn đăng ký khai sinh cho trẻ em theo đúng quy định là trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con.

Câu 24. Trường hợp trẻ em gây thiệt hại cho người khác thì có phải bồi thường không?

Trả lời:

Trẻ em gây thiệt hại cho người khác thì phải bồi thường.

Cụ thể, Khoản 3 Điều 101 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em phải bồi thường thiệt hại do hành vi của trẻ em đó gây ra theo quy định của pháp luật.

Câu 25. Cha, mẹ có trách nhiệm gì để bảo đảm quyền học tập của trẻ em?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 99 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: Cha, mẹ có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền học tập, hoàn thành chương trình giáo dục phổ cập theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn.

Câu 26. Quyền bí mật đời sống riêng tư và bảo vệ đời sống riêng tư của trẻ em trên môi trường mạng được Luật Trẻ em năm 2016 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 21, Điều 54 Luật Trẻ em năm 2016; Điều 36 Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em quy định quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em như sau:

(1) Trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

(2) Trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư.

(3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

(4) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng và cá nhân khi đưa thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em lên mạng phải có sự đồng ý của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên; có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin của trẻ em.

(5) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng phải sử dụng các biện pháp, công cụ bảo đảm an toàn về thông tin bí mật đời

sống riêng tư của trẻ em, các thông điệp cảnh báo nguy cơ khi trẻ em cung cấp, thay đổi thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em.

(6) Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ và cá nhân tham gia hoạt động trên môi trường mạng xóa bỏ các thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em để bảo đảm sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Câu 27. Phụ nữ khi mang thai có trách nhiệm gì để phòng, ngừa các bệnh tật bẩm sinh cho trẻ em?

Trả lời:

Khoản 4 Điều 98 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: Phụ nữ mang thai có trách nhiệm tiếp cận dịch vụ y tế để được tư vấn sàng lọc, phòng ngừa các bệnh tật bẩm sinh cho trẻ em.

Câu 28. Trách nhiệm trong việc bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự, bí mật đời sống riêng tư của trẻ em được Luật Trẻ em năm 2016 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 100 Luật Trẻ em năm 2016 quy định trách nhiệm trong việc bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự, bí mật đời sống riêng tư của trẻ em như sau:

(1) Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm trau dồi kiến thức, kỹ năng giáo dục trẻ em về đạo đức, nhân cách, quyền và bổn phận của trẻ em; tạo môi trường an toàn, phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em; phòng ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại. Chấp hành các quyết định, biện pháp, quy định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để bảo đảm sự an toàn, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư của trẻ em. Bảo đảm để trẻ em thực hiện được quyền bí mật đời sống riêng tư của mình, trừ trường hợp cần thiết để bảo vệ trẻ em và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

(2) Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm trong việc phát hiện, tố giác, thông báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc đang bị xâm hại trong và ngoài gia đình.

(3) Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em có trách nhiệm lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho trẻ em trong quá trình tố tụng theo quy định của pháp luật.

Câu 29. UBND cấp xã có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Điều 90 Luật Trẻ em năm 2016 quy định trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em như sau:

(1) Thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em; ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật bảo đảm thực hiện quyền trẻ em phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương.

(2) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyền trẻ em; bố trí và vận động nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em và bảo vệ trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016; tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo thẩm quyền.

(3) Hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

(4) Giao nhiệm vụ cụ thể về thực hiện quyền của trẻ em, bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách thuộc quyền quản lý.

Câu 30. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật Trẻ em năm 2016 thì bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 105 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật Trẻ em năm 2016 thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.

PHÒNG TƯ PHÁP

